

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**BỘ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/2015/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2015

THÔNG TƯ

**Quy định thực hiện Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương
và đa phương về khoa học và công nghệ đến năm 2020 và Chương trình
tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020**

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Thực hiện Quyết định số 538/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về khoa học và công nghệ đến năm 2020;

Thực hiện Quyết định số 1069/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định thực hiện Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về khoa học và công nghệ đến năm 2020 và Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020.

Chương I **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định thực hiện Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về khoa học và công nghệ đến năm 2020 được Thủ tướng

Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 538/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2014 và Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1069/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2014 (sau đây viết tắt là Chương trình).

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân thực hiện và tham gia Chương trình, cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Văn bản hợp tác nghiên cứu với đối tác nước ngoài* là văn bản thỏa thuận của lãnh đạo Đảng và Nhà nước với đối tác nước ngoài về khoa học và công nghệ; biên bản cuộc họp ủy ban, tiểu ban hợp tác về khoa học và công nghệ của Việt Nam được Chính phủ giao cho Bộ Khoa học và Công nghệ làm đại diện ký với đối tác nước ngoài; văn bản thỏa thuận song phương và đa phương về hợp tác khoa học và công nghệ được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ký kết với đối tác nước ngoài; văn bản hợp tác khoa học và công nghệ của lãnh đạo bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan nhà nước khác ở trung ương (sau đây viết tắt là bộ, ngành và địa phương) ký với đối tác nước ngoài.

2. *Tìm kiếm công nghệ nước ngoài* là quá trình nghiên cứu nhằm phát hiện, đánh giá về tính năng ưu việt của một công nghệ nước ngoài và khả năng chuyển giao công nghệ đó vào Việt Nam, phục vụ phát triển khoa học và công nghệ, kinh tế - xã hội của đất nước.

3. *Chuyên gia tìm kiếm công nghệ* là người có trình độ, hiểu biết chuyên sâu và khả năng phân tích, đánh giá, tư vấn về chuyển giao công nghệ để tham gia hoạt động tìm kiếm công nghệ, hỗ trợ chuyển giao công nghệ.

4. *Báo cáo hồ sơ công nghệ* là tập hợp thông tin, tài liệu liên quan đến công nghệ, tính mới của công nghệ, ưu thế cạnh tranh, tiềm năng ứng dụng của công nghệ; các giai đoạn phát triển của công nghệ (từ ý tưởng, phòng thí nghiệm, nghiên cứu tiền khả thi/khả thi, đăng ký sở hữu trí tuệ...); đối tượng nắm giữ công nghệ; điều kiện và khả năng chuyển giao công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu, làm chủ và ứng dụng công nghệ.

Điều 3. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Chương trình

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Chương trình (sau đây gọi là nhiệm vụ) là các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp quốc gia theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ, bao gồm:

1. Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương là đề tài, dự án khoa học và công nghệ do tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam hợp tác với đối tác nước ngoài cùng xây dựng, đóng góp các nguồn lực để tổ chức thực hiện và đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 6 Thông tư này.

2. Nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài là đề tài, dự án khoa học và công nghệ có hoạt động tìm kiếm công nghệ; có hoạt động hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân trong nước thực hiện chuyển giao công nghệ, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm và sản xuất sản phẩm.

3. Nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý, triển khai Chương trình là đề tài, dự án khoa học và công nghệ và các hoạt động khác nhằm triển khai mục tiêu, nội dung và giải pháp của Chương trình.

Điều 4. Nguyên tắc lựa chọn nhiệm vụ của Chương trình

Nhiệm vụ của Chương trình được lựa chọn theo nguyên tắc sau:

1. Các bên tham gia thực hiện nhiệm vụ của Chương trình có nghĩa vụ và trách nhiệm bình đẳng trong việc triển khai các công việc có liên quan, bảo đảm an ninh quốc gia, tuân thủ luật pháp Việt Nam, điều ước và thỏa thuận quốc tế.

2. Nhiệm vụ phải phù hợp với mục tiêu, nội dung và sản phẩm dự kiến (Khung Chương trình), kế hoạch triển khai Chương trình và kinh phí thực hiện Chương trình.

3. Ưu tiên nhiệm vụ thực hiện với đối tác nước ngoài là cơ quan, tổ chức có kinh nghiệm, thế mạnh, sẵn sàng hợp tác với Việt Nam để giải quyết một số vấn đề khoa học và công nghệ mà Việt Nam quan tâm.

Điều 5. Mã số nhiệm vụ của Chương trình

1. Mã số nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương: HNQT/SPDP/XX.YY.

2. Mã số nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài: HNQT/TKCG/XX.YY.

3. Mã số nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý, triển khai Chương trình: HNQT/QL/XX.YY.

Trong đó:

- HNQT là mã số của Đề án hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ đến năm 2020;

- SPDP là ký hiệu nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương.

- TKCG là ký hiệu nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài.

- QL là ký hiệu nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý, triển khai Chương trình.

- XX là ký hiệu số thứ tự nhiệm vụ.

- YY là ký hiệu số biểu thị năm bắt đầu thực hiện nhiệm vụ.

Chương II

NHIỆM VỤ CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Điều 6. Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương

1. Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương được lựa chọn theo nguyên tắc nêu tại Điều 4 Thông tư này và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Mục tiêu của nhiệm vụ phù hợp với văn bản hợp tác nghiên cứu với đối tác nước ngoài, đồng thời giải quyết được ít nhất một trong các vấn đề chủ yếu sau:

- Vấn đề khoa học và công nghệ mang tính chất chiến lược, lâu dài của Việt Nam theo hướng làm chủ, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến vào một số ngành công nghiệp trọng điểm; làm chủ công nghệ thiết kế và chế tạo, công nghệ chế tác và chế biến sản phẩm có giá trị gia tăng cao, tạo cơ hội để Việt Nam tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu;

- Vấn đề khoa học và công nghệ trọng tâm, trọng điểm phục vụ trực tiếp các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia;

- Vấn đề khoa học và công nghệ được triển khai trong chương trình, dự án nghiên cứu quốc tế, dự án đầu tư khoa học và công nghệ trên thế giới và trong khu vực nhằm tạo bước đột phá, nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ Việt Nam.

b) Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương phải đạt được một trong các kết quả sau: tạo ra công nghệ mới; nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ với giá trị gia tăng cao; phát triển các tổ chức, tập thể nghiên cứu mạnh, đạt trình độ tiên tiến trong khu vực;

c) Tổ chức, cá nhân trong nước tham gia phải có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ, đáp ứng các yêu cầu theo quy định hiện hành đối với tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia. Đối tác nước ngoài phải bảo đảm có năng lực và cam kết hợp tác nghiên cứu theo đúng mục tiêu, nội dung đã thỏa thuận;

d) Có phương án phối hợp cụ thể với đối tác nước ngoài trong việc triển khai nhiệm vụ, sử dụng và khai thác kết quả hợp tác nghiên cứu; quy định rõ trách nhiệm và quyền lợi của các bên tham gia thực hiện nhiệm vụ.

2. Căn cứ vào các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân trong nước phối hợp với đối tác nước ngoài xây dựng thuyết minh nhiệm vụ hợp tác song phương và đa phương theo Biểu A-SPĐP tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài

1. Nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài bao gồm 02 hợp phần: đề tài tìm kiếm công nghệ và dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ.

Nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài được lựa chọn theo nguyên tắc nêu tại Điều 4 Thông tư này và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Công nghệ cần tìm kiếm để hỗ trợ chuyển giao được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đặt hàng;

b) Mục tiêu chính của nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài được phân định theo từng hợp phần cụ thể như sau:

- Hợp phần đề tài tìm kiếm công nghệ thực hiện nghiên cứu, xây dựng báo cáo hồ sơ công nghệ. Báo cáo hồ sơ công nghệ phải phân tích, làm rõ được thông tin chính liên quan đến công nghệ, các giai đoạn phát triển của công nghệ, đối tượng nắm giữ công nghệ, điều kiện và khả năng chuyển giao công nghệ vào Việt Nam;

- Hợp phần dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ, nghiên cứu, làm chủ và phát triển công nghệ. Hoạt động chuyển giao công nghệ phải kèm theo chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng một phần hoặc toàn bộ công nghệ từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ kèm theo đối tượng sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật;

c) Kết quả của nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài là báo cáo hồ sơ công nghệ; công nghệ nước ngoài được chuyển giao, góp phần hình thành sản phẩm, dịch vụ mới hoặc nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp. Sản phẩm tạo ra từ nhiệm vụ có địa chỉ ứng dụng cụ thể, có giá trị gia tăng cao và sản xuất ở quy mô lớn;

d) Tổ chức tham gia thực hiện nhiệm vụ gồm tổ chức khoa học và công nghệ (có lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp với công nghệ cần tìm kiếm) và doanh nghiệp (có nhu cầu, cam kết thực hiện chuyển giao công nghệ). Hoạt động chuyển giao công nghệ trong hợp phần dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ phải bảo đảm có ít nhất 02 doanh nghiệp và 01 nhóm nhà khoa học và công nghệ thuộc tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam tham gia; có đủ năng lực (tài chính, nhân lực, tổ chức) để thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ; có kế hoạch phát triển công nghệ và tổ chức kinh doanh sản phẩm.

2. Căn cứ vào các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân xây dựng thuyết minh nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài theo 02 hợp phần gồm: thuyết minh hợp phần đề tài tìm kiếm công nghệ; thuyết minh hợp phần dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ theo Biểu B-TKCG tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý, triển khai Chương trình

1. Nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý, triển khai Chương trình phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Phục vụ trực tiếp việc triển khai mục tiêu, nội dung của Chương trình;

b) Nhiệm vụ phải bao gồm một trong các nội dung sau:

- Hình thành tổ chức, nhóm nghiên cứu có tiềm năng để thực hiện nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương thuộc các hướng ưu tiên của Chương trình thông qua việc tham gia dự án và chương trình hợp tác quốc tế;

- Xây dựng mạng lưới chuyên gia tìm kiếm công nghệ;

- Tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam về các vấn đề khoa học và công nghệ trọng tâm, trọng điểm, có tính thời sự, cấp bách, có tính liên ngành, liên khu vực;

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, tìm hiểu công nghệ, hợp tác nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài;

- Xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với hoạt động hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ.

c) Kết quả của nhiệm vụ là báo cáo khoa học; kết quả dự báo; dự thảo đề án; đề xuất về cơ chế, chính sách; mô hình, quy trình; phương pháp nghiên cứu mới; cơ sở dữ liệu; phát triển các tổ chức, nhóm nghiên cứu tiềm năng và các sản phẩm khác.

2. Căn cứ vào các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân xây dựng thuyết minh nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý, triển khai Chương trình theo Biểu C-QL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III **TỔ CHỨC XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ NHIỆM VỤ** **CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

Điều 9. Tổ chức quản lý Chương trình

Tổ chức bộ máy quản lý Chương trình và hoạt động quản lý Chương trình thực hiện theo quy định từ Điều 5 đến Điều 9 Thông tư số 05/2015/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia (sau đây viết tắt là Thông tư số 05/2015/TT-BKHHCN).

Điều 10. Đề xuất, xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp và phê duyệt nhiệm vụ của Chương trình

1. Đối với nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương

a) Việc đề xuất, xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp và phê duyệt nhiệm vụ được thực hiện theo quy định từ Điều 5 đến Điều 8; Khoản 2, 3, 4, 5 Điều 10 Thông tư số 12/2014/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo

Nghị định thư (sau đây viết tắt là Thông tư số 12/2014/TT-BKHHCN) và Thông tư số 10/2014/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 23/2014/TT-BKHHCN ngày 19 tháng 9 năm 2014 (sau đây gọi chung là Thông tư số 10/2014/TT-BKHHCN);

b) Trên cơ sở đề xuất đặt hàng của các bộ, ngành và địa phương, văn bản hợp tác nghiên cứu với đối tác nước ngoài (nếu có), Bộ Khoa học và Công nghệ tiến hành xác định nhiệm vụ đặt hàng;

Đối với các nhiệm vụ đặt hàng chưa xác định được đối tác nước ngoài hợp tác thực hiện, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan tìm kiếm đối tác nước ngoài; đàm phán và tổ chức ký kết văn bản hợp tác nghiên cứu với đối tác nước ngoài;

c) Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp bao gồm thuyết minh nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương theo Biểu A-SPĐP và các tài liệu khác quy định tại Khoản 3, Điều 8 Thông tư số 12/2014/TT-BKHHCN;

d) Thuyết minh nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương phải thể hiện được nguồn lực của đối tác nước ngoài (nguồn lực tài chính, nhân lực, cơ sở vật chất và các nguồn lực cần thiết khác) đóng góp thực hiện nhiệm vụ, tối thiểu đáp ứng 30% trong tổng kinh phí dự kiến thực hiện. Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định.

2. Đối với nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài

a) Việc xây dựng Danh mục đặt hàng công nghệ cần tìm kiếm được quy định cụ thể tại Điều 11 Thông tư này;

Căn cứ vào Danh mục đặt hàng công nghệ cần tìm kiếm, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài theo hợp phần đề tài tìm kiếm công nghệ, hợp phần dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ.

b) Việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện hợp phần đề tài tìm kiếm công nghệ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-BKHHCN và một số quy định cụ thể sau:

- Thời gian thực hiện hợp phần đề tài tìm kiếm công nghệ tối đa không quá 12 tháng;

- Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp gồm thuyết minh hợp phần đề tài tìm kiếm công nghệ theo Biểu B-TKCG (theo Phần I và Phần II.A) và các tài liệu khác theo quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-BKHHCN;

- Phiếu nhận xét, đánh giá của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Biểu NXĐTTKCN và ĐGĐTTKCN tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Kết quả thực hiện hợp phần đề tài tìm kiếm công nghệ phải được đánh giá nghiệm thu theo quy định hiện hành trước khi thực hiện hợp phần dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ thuộc nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài;

d) Căn cứ vào quyết định công nhận kết quả thực hiện hợp phần đề tài tìm kiếm công nghệ hoặc báo cáo hồ sơ công nghệ được Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định và phê duyệt, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ đăng ký thực hiện hợp phần dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ thuộc nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, giao trực tiếp. Việc giao trực tiếp được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN và một số quy định cụ thể sau:

- Thời gian thực hiện hợp phần dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ tối đa không quá 24 tháng. Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định;

- Hồ sơ đăng ký giao trực tiếp gồm thuyết minh hợp phần dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ theo Biểu B-TKCG (theo Phần I và Phần II.B) và các tài liệu khác theo quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN;

- Phiếu nhận xét, đánh giá của Hội đồng tư vấn giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Biểu NXDACGCN và ĐGDACGCN tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đối với nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý, triển khai Chương trình

a) Việc tổ chức đề xuất, xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp và phê duyệt nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2015/TT-BKHCN;

b) Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét giao trực tiếp gồm thuyết minh nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý, triển khai Chương trình theo Biểu C-QL và các tài liệu khác theo quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN.

Điều 11. Xây dựng Danh mục đặt hàng công nghệ cần tìm kiếm

1. Đề xuất đặt hàng công nghệ cần tìm kiếm

a) Yêu cầu đối với công nghệ cần tìm kiếm:

Công nghệ cần tìm kiếm là công nghệ mới, có tính cạnh tranh cao; có tác động đột phá về quy mô sản xuất và chất lượng sản phẩm, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ quốc phòng, an ninh;

b) Căn cứ đề xuất đặt hàng:

- Yêu cầu của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước;

- Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của quốc gia; chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của bộ, ngành và địa phương phù hợp với mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ của Chương trình;

- Nhu cầu thực tiễn để giải quyết các vấn đề khẩn cấp về an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ của Việt Nam;

- Dữ liệu thông tin công nghệ do chuyên gia tìm kiếm công nghệ cung cấp, đề xuất.

c) Căn cứ quy định nêu tại Điểm a và ít nhất một trong các quy định nêu tại Điểm b Khoản này, bộ, ngành và địa phương đề xuất đặt hàng công nghệ cần tìm kiếm theo Biểu PĐX-TKCN tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp đề xuất đặt hàng công nghệ cần tìm kiếm; tổ chức đánh giá, lựa chọn những đề xuất có tính cấp thiết và khả thi để xây dựng và phê duyệt Danh mục đặt hàng công nghệ cần tìm kiếm làm cơ sở để lựa chọn các nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài của Chương trình.

Việc xác định Danh mục đặt hàng công nghệ cần tìm kiếm được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Danh mục đặt hàng công nghệ cần tìm kiếm được Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát, đánh giá, bổ sung định kỳ (6 tháng) hoặc đột xuất theo yêu cầu.

Điều 12. Tổ chức ký Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của Chương trình

1. Căn cứ theo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ của Chương trình, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với tổ chức chủ trì theo quy định. Mẫu hợp đồng thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BKHHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ” (sau đây viết tắt là Thông tư số 05/2014/TT-BKHHCN).

2. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm tổ chức triển khai nhiệm vụ theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ và sử dụng kinh phí được cấp theo Hợp đồng.

Điều 13. Điều chỉnh, kiểm tra và đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ

Việc điều chỉnh, kiểm tra và đánh giá được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm chuẩn bị và cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến nhiệm vụ của Chương trình đang được thực hiện và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đánh giá.

Điều 14. Chấm dứt hợp đồng

Việc chấm dứt hợp đồng và xử lý các vấn đề liên quan sau khi chấm dứt hợp đồng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2015/TT-BKHCN.

Điều 15. Đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chương trình

Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức việc đánh giá, nghiệm thu, công nhận và công bố công khai kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan.

Điều 16. Thanh lý hợp đồng và khai thác kết quả nhiệm vụ của Chương trình

1. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thanh lý hợp đồng với tổ chức chủ trì theo quy định.

2. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm quản lý, khai thác, chuyển giao kết quả nhiệm vụ của Chương trình theo quy định của pháp luật. Quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng kết quả thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ và sở hữu trí tuệ.

3. Việc đăng ký, lưu giữ kết quả nhiệm vụ của Chương trình thực hiện theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 17. Xử lý tài sản

Việc xử lý tài sản sau khi kết thúc nhiệm vụ của Chương trình được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 18. Kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình được cân đối trong dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm, được giao về Bộ Khoa học và Công nghệ để thực hiện. Kinh phí từ các nguồn khác được thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Cơ chế tài chính thực hiện Chương trình được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ và các văn bản khác có liên quan đối với việc quản lý và thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2015.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Quân

PHỤ LỤC
CÁC BIỂU MẪU

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2015/TT-BKHCN ngày 05 tháng 5 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

1. **Biểu A-SPDP:** Thuyết minh nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương.
2. **Biểu B-TKCG:** Thuyết minh nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài.
3. **Biểu C-QL:** Thuyết minh nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý, triển khai Chương trình.
4. **Biểu NXĐTTKCN:** Phiếu nhận xét hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì hợp phần đề tài tìm kiếm công nghệ.
5. **Biểu ĐGĐTTKCN:** Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì hợp phần đề tài tìm kiếm công nghệ.
6. **Biểu NXDACGCN:** Phiếu nhận xét hồ sơ đăng ký giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì hợp phần dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ.
7. **Biểu ĐGDACGCN:** Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì hợp phần dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ.
8. **Biểu PDX-TKCG:** Đề xuất đặt hàng công nghệ cần tìm kiếm.

Biểu A-SPDP
08/2015/TT-BKHCN

**THUYẾT MINH NHIỆM VỤ HỢP TÁC NGHIÊN CỨU
SONG PHƯƠNG VÀ ĐA PHƯƠNG**

I. THÔNG TIN CHUNG	
1	Tên nhiệm vụ (bằng tiếng Việt và tiếng Anh)
2	Thuộc Chương trình (Nêu tên Chương trình và mã số)
3	Thời gian thực hiện tháng Từ.../... đến.../...
4	Kinh phí thực hiện Tổng kinh phí thực hiện:..... triệu đồng, trong đó: - Ngân sách sự nghiệp khoa học: - Nguồn tự có: - Nguồn vốn khác:
5	Lĩnh vực khoa học và công nghệ hợp tác nghiên cứu
6	Tổ chức chủ trì nhiệm vụ Tên tổ chức chủ trì:..... Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:..... Địa chỉ:..... Họ và tên thủ trưởng tổ chức chủ trì:..... Mã số ngân sách:.....
7	Chủ nhiệm nhiệm vụ Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh:..... Nam/Nữ:..... Học hàm, học vị, chuyên môn:..... Chức danh nghiên cứu khoa học:..... Chức vụ:..... Điện thoại: Cơ quan:..... Nhà riêng:..... Mobile:..... Fax:..... E-mail:..... Địa chỉ nhà riêng:.....

8 Tổ chức trong nước phối hợp thực hiện nhiệm vụ (nếu có)				
Tên tổ chức:.....				
Điện thoại:..... Fax:.....				
E-mail:.....				
Địa chỉ:.....				
9 Tổ chức nước ngoài phối hợp thực hiện nhiệm vụ				
Tên tổ chức:.....				
Điện thoại:..... Fax:.....				
E-mail:.....				
Địa chỉ:.....				
10	Cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ (Lý lịch khoa học của các thành viên gửi kèm theo Thuyết minh)			
TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Cơ quan công tác	Nội dung tham gia	Thời gian tham gia thực hiện
1				
2				
3				
...				
II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN				
11	Mục tiêu			
12	Căn cứ đề xuất xây dựng Thuyết minh nhiệm vụ			
	<p>a) Làm rõ căn cứ đề xuất việc hợp tác nghiên cứu (từ văn bản hợp tác nghiên cứu với đối tác nước ngoài; kết quả của các hợp tác nghiên cứu trước đây; chương trình/dự án quốc tế...)</p> <p>b) Làm rõ quá trình phối hợp giữa tổ chức chủ trì nhiệm vụ và tổ chức nước ngoài trong việc xây dựng Thuyết minh nhiệm vụ (quá trình trao đổi thông tin; khảo sát, tìm hiểu năng lực của đối tác; chuyển giao các kết quả nghiên cứu...).</p>			

13	Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về nội dung nghiên cứu
13.1	Tổng quan tình hình trong nước
	<p><i>a) Phân tích, đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước về vấn đề cần hợp tác nghiên cứu trong 05 năm gần nhất, trong đó nêu rõ một số kết quả nổi bật đã đạt được</i></p> <p><i>b) Làm rõ một số khó khăn trong nước đối với việc triển khai vấn đề cần hợp tác nghiên cứu (phương pháp nghiên cứu; bí quyết công nghệ; trang thiết bị phục vụ phân tích mẫu; thực hiện các hoạt động nghiên cứu phức tạp; nguồn nhân lực...)</i></p> <p><i>c) Luận giải sự cần thiết phải phối hợp với tổ chức nước ngoài để hợp tác nghiên cứu</i></p>
13.2	Xu hướng quốc tế và năng lực của tổ chức nước ngoài phối hợp thực hiện nhiệm vụ
	<p><i>a) Phân tích, đánh giá xu hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của quốc tế đối với về vấn đề cần hợp tác nghiên cứu</i></p> <p><i>b) Làm rõ năng lực của tổ chức nước ngoài phối hợp thực hiện nhiệm vụ, trong đó: nêu rõ một số kết quả nổi bật đã đạt được (trong 05 năm gần nhất) liên quan đến vấn đề cần hợp tác nghiên cứu; kinh nghiệm, thế mạnh của tổ chức nước ngoài để giải quyết vấn đề cần hợp tác nghiên cứu (phương pháp nghiên cứu; bí quyết công nghệ; trang thiết bị phục vụ phân tích mẫu; thực hiện các hoạt động nghiên cứu phức tạp; đào tạo nguồn nhân lực...).</i></p>

13.3	Luận giải về nội dung nghiên cứu
	<p>a) <i>Luận giải nội dung của nhiệm vụ bảo đảm giải quyết được ít nhất một trong các vấn đề chủ yếu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none">- <i>Vấn đề 1: Vấn đề khoa học và công nghệ mang tính chất chiến lược, lâu dài của quốc gia</i>- <i>Vấn đề 2: Vấn đề khoa học và công nghệ trọng tâm, trọng điểm phục vụ trực tiếp Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020, Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020, Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020.</i>- <i>Vấn đề 3: Vấn đề khoa học và công nghệ được triển khai trong các chương trình, dự án nghiên cứu quốc tế, các dự án đầu tư khoa học và công nghệ trên thế giới và trong khu vực nhằm tạo bước đột phá, nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ Việt Nam.</i> <p>b) <i>Nêu rõ kết quả (dự kiến) thực hiện nhiệm vụ.</i></p> <p>c) <i>Giải trình, làm rõ năng lực của tổ chức chủ trì nhiệm vụ.</i></p> <p>d) <i>Giải trình, làm rõ năng lực của tổ chức nước ngoài phối hợp thực hiện nhiệm vụ.</i></p> <p>đ) <i>Phân tích phương án phối hợp cụ thể với đối tác nước ngoài trong việc triển khai nhiệm vụ, sử dụng và khai thác kết quả hợp tác nghiên cứu (sử dụng trang thiết bị, nguyên vật liệu, nhân lực để triển khai nhiệm vụ...); làm rõ trách nhiệm và quyền lợi của các bên tham gia; phương án phối hợp trong việc sử dụng và khai thác kết quả hợp tác nghiên cứu.</i></p>

	<p>e) <i>Đánh giá khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả hợp tác nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Phương thức ứng dụng, chuyển giao kết quả hợp tác nghiên cứu (chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % doanh thu; liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn; tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra...).</i> - <i>Khả năng liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước để sản xuất kinh doanh sản phẩm sau khi nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu kết thúc.</i> - <i>Tiềm năng thị trường trong và ngoài nước của sản phẩm tạo ra từ nhiệm vụ.</i> 			
13.4	Tiến độ thực hiện			
TT	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Cá nhân, cơ quan thực hiện
I	Nội dung 1:			
1				
2				
3				
...	...			
II	Nội dung 2:			
1				
2				
3				
...	...			
14	Giải pháp thực hiện			
	<p><i>Làm rõ một số nội dung sau:</i></p> <p>a) <i>Giải pháp huy động nguồn vốn thực hiện nhiệm vụ: Cơ cấu nguồn vốn; Kinh phí của đối tác nước ngoài (nếu có); Nguyên tắc huy động nguồn vốn; tiến độ huy động nguồn vốn.</i></p>			

	<p><i>b) Giải pháp phân kỳ triển khai nhiệm vụ (giải trình các giai đoạn triển khai cụ thể, có tính khả thi cao); huy động nhân lực tham gia nhiệm vụ (kế hoạch huy động và phát triển nguồn nhân lực tham gia nhiệm vụ).</i></p> <p><i>c) Giải pháp thông tin tuyên truyền; hợp tác quốc tế.</i></p> <p><i>d) Phương thức sản xuất kinh doanh từ công nghệ được chuyển giao trong nhiệm vụ; phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước.</i></p>
--	--

III. KẾT QUẢ DỰ KIẾN

15	<p>Sản phẩm khoa học và công nghệ chính và yêu cầu chất lượng cần đạt</p> <p><i>a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ là công nghệ mới; sản phẩm và dịch vụ khoa học và công nghệ có giá trị gia tăng cao; tổ chức, tập thể nghiên cứu mạnh, đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.</i></p> <p><i>b) Một số sản phẩm khác (nếu có):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Dạng 1: Mẫu; sản phẩm (là hàng hóa có thể tiêu thụ trên thị trường); vật liệu; thiết bị; máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi; các loại khác.</i> - <i>Dạng 2: Nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); đề án, quy hoạch; luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi; và các sản phẩm khác.</i> - <i>Dạng 3: Bài báo; sách chuyên khảo.</i> - <i>Dạng 4: Đào tạo/trao đổi cán bộ, chuyên gia.</i>
-----------	--

Dạng 1: Mẫu; sản phẩm (là hàng hóa có thể tiêu thụ trên thị trường); vật liệu; thiết bị; máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi; các loại khác

TT	Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng/ quy mô sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự (theo các tiêu chuẩn mới nhất)		
				Trong nước	Thế giới	
i	ii	iii	iv	v	vi	vii
1						
...	...					

Dạng 2: Nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (*phương pháp, quy trình, mô hình,...*); đề án, quy hoạch; luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi; và các sản phẩm khác

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
i	ii	iii	iv
1			
2			
...	...		

Dạng 3: Bài báo; sách chuyên khảo

TT	Tên sản phẩm	Số lượng	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố (<i>Tạp chí, nhà xuất bản</i>)	Ghi chú
i	ii	iii	iv	v	vi
1					
2					
...	...				

Dạng 4: Đào tạo/trao đổi cán bộ, chuyên gia

TT	Cán bộ, chuyên gia	Thời gian	Nội dung	Ghi chú
i	ii	iii	iv	v
1				
2				

16	Sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (nếu có)							
17	Hiệu quả thực hiện nhiệm vụ							
	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hiệu quả về khoa học và công nghệ. - Đánh giá hiệu quả về kinh tế - xã hội. 							
IV. DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN								
<i>(Dự toán kinh phí nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương được quy định chi tiết tại Phụ lục)</i>								
18	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ (triệu đồng)							
TT	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó					Chi khác
			Trả công lao động	Nguyên vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Hợp tác quốc tế		
i	ii	iii	iv	v	vi	vii	viii	
1	Ngân sách SNKH							
2	Nguồn tự có							
3	Nguồn vốn khác							
Tổng cộng								
TT	Một số mục chi cụ thể thực hiện nhiệm vụ				Số lượng	Thành tiền		
A	Cụ thể các mục chi mà Việt Nam được thụ hưởng							
1	Đào tạo cán bộ, nghiên cứu sinh, sinh viên Việt Nam							
2	Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, triển lãm...							
3	Chi phí đi lại quốc tế cho cán bộ Việt Nam							
4	Chi phí phân tích mẫu, trang thiết bị thụ hưởng							
5	Phần mềm tin học, tài liệu, ấn phẩm KH&CN...							
6	Khác							
Tổng cộng								

B	Dự kiến kinh phí của đối tác nước ngoài	
	- Đối ứng từ Chính phủ:.....	USD
	- Nguồn tự có của đối tác:.....	USD
	- Nguồn vốn khác:.....	USD

Ngày..... tháng..... năm 20...

Chủ nhiệm nhiệm vụ

(Họ tên và chữ ký)

Ngày..... tháng..... năm 20...

Tổ chức chủ trì

(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

Ngày..... tháng..... năm 20...

Bộ Khoa học và Công nghệ

(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

Ngày..... tháng..... năm 20...

Thủ trưởng

Cơ quan chủ quản nhiệm vụ

(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

hoặc

Chủ nhiệm Chương trình

(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

PHỤ LỤC DỰ TOÁN KINH PHÍ NHIỆM VỤ HỢP TÁC NGHIÊN CỨU SONG PHƯƠNG VÀ ĐA PHƯƠNG
 (Kèm theo Thuyết minh nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn			
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Ngân sách SNKH		Tự có	Khác
				Tổng	Kinh phí thực hiện khoán chi		
1	Công lao động (khoa học, phổ thông)						
2	Nguyên, vật liệu, năng lượng						
3	Thiết bị, máy móc						
4	Hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào, hội nghị, hội thảo)						
5	Điều tra, điền dã, phỏng vấn xã hội học (nếu có)						
6	Chi khác						
Tổng cộng							

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1: Công lao động (khoa học, phổ thông)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung lao động	Tổng số		Nguồn vốn			
		Mục chi	Tổng	Ngân sách SNKH		Tự có	Khác
				Tổng	Khoản chi theo quy định		
1	Nội dung 1:						
2	Nội dung 2:						
3	Nội dung 3:						
Cộng							

Khoản 2: Nguyên vật liệu, năng lượng

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn			
						Ngân sách SNKH		Tự có	Khác
						Tổng	Khoán chi theo quy định		
1	Nguyên, vật liệu								
2	Dụng cụ, phụ tùng thí nghiệm								
3	Năng lượng, nhiên liệu thiết yếu								
4	Sách, tài liệu, số liệu thiết yếu								
Cộng									

Khoản 3: Thiết bị, máy móc

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn		
						Ngân sách SNKH	Tự có	Khác
1	Mua thiết bị, công nghệ							
2	Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường							
3	Thuê thiết bị (ghi rõ tên thiết bị và thời gian thuê)							
4	Vận chuyển lắp đặt							
Cộng								

Khoản 4: Hợp tác quốc tế

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Số lượng	Định mức	Thành tiền	Nguồn vốn		
					Ngân sách SNKH	Tự có	Khác
1	Đoàn ra (đi trao đổi, phân tích mẫu, học tập, nghiên cứu, thực tập,...)						
-	Đoàn 1: (Nội dung) + (địa điểm) + (thời gian) + (số người)						
+	Chi tiết tiền vé máy bay, tiền ăn ở, đi lại, và các chi phí có liên quan khác						
-	Đoàn...: (Nội dung) + (địa điểm) + (thời gian) + (số người)						
+	Chi tiết tiền vé máy bay, tiền ăn ở, đi lại, và các chi phí có liên quan khác						
2	Đoàn vào (nghiên cứu, hội nghị, hội thảo, tập huấn, đào tạo,...)						
-	Đoàn 1: (Nội dung) + (địa điểm) + (thời gian) + (số người)						
+	Chi tiết tiền vé máy bay, tiền ăn ở, đi lại, và các chi phí có liên quan khác						
-	Đoàn...: (Nội dung) + (địa điểm) + (thời gian) + (số người)						
+	Chi tiết tiền vé máy bay, tiền ăn ở, đi lại, và các chi phí có liên quan khác						
3	Hội nghị, hội thảo quốc tế						
-	Hội thảo 1: (Nội dung) + (địa điểm) + (thời gian) + (số người)						
+	Dự toán chi tiết các chi phí có liên quan đến tổ chức hội nghị, hội thảo						
-	Hội thảo...: (Nội dung) + (địa điểm) + (thời gian) + (số người)						
+	Dự toán chi tiết các chi phí có liên quan đến tổ chức hội nghị, hội thảo						
4	Khác**						
+	Thuế chuyên gia nước ngoài, phân tích mẫu ở nước ngoài, ...						
Cộng							

**Trong một số trường hợp có nội dung tài chính đặc biệt, cần có sự thẩm định của hội đồng tư vấn do Bộ KH&CN thành lập và các cấp có thẩm quyền liên quan

Biểu B-TKCG
08/2015/TT-BKHCN

THUYẾT MINH
NHIỆM VỤ TÌM KIẾM, HỖ TRỢ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ
NƯỚC NGOÀI

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

1	Tên nhiệm vụ (<i>bằng tiếng Việt và tiếng Anh</i>)			
2	Thuộc Chương trình			
<i>(Nêu tên Chương trình và mã số)</i>				
3	Thời gian thực hiện			
..... tháng				
Từ.../... đến.../...				
4	Hợp phần của nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài			
<input type="checkbox"/> Hợp phần đề tài tìm kiếm công nghệ (<i>điền các thông tin đầy đủ theo mục II.A</i>) <input type="checkbox"/> Hợp phần dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ (<i>điền các thông tin đầy đủ theo mục II.B</i>)				
5	Kinh phí thực hiện:			
Tổng kinh phí:..... (triệu đồng), trong đó: - Từ ngân sách sự nghiệp khoa học:.... - Từ nguồn tự có của tổ chức - Từ nguồn khác:....				
6	Phương thức khoán chi:			
<table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="width: 50%; border: none; vertical-align: top;"> <input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng </td> <td style="width: 50%; border: none; vertical-align: top;"> <input type="checkbox"/> Khoán từng phần, trong đó: - Kinh phí khoán:..... triệu đồng - Kinh phí không khoán:.... triệu đồng </td> </tr> </table>			<input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/> Khoán từng phần, trong đó: - Kinh phí khoán:..... triệu đồng - Kinh phí không khoán:.... triệu đồng
<input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/> Khoán từng phần, trong đó: - Kinh phí khoán:..... triệu đồng - Kinh phí không khoán:.... triệu đồng			
7	Tổ chức chủ trì nhiệm vụ			
Tên tổ chức chủ trì:..... Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:..... Địa chỉ:..... Họ và tên thủ trưởng tổ chức chủ trì:..... Mã số ngân sách:.....				
8	Chủ nhiệm nhiệm vụ			
Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh:..... Nam/Nữ:.....				

Học hàm, học vị, chuyên môn:..... Chức danh nghiên cứu khoa học:..... Chức vụ:..... Điện thoại: Cơ quan:..... Nhà riêng:..... Mobile:..... Fax:..... E-mail:..... Địa chỉ nhà riêng:.....				
9 Thông tin chuyên gia tìm kiếm công nghệ tham gia (nếu có)				
Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh:..... Nam/Nữ:..... Học hàm, học vị, chuyên môn:..... Chức danh nghiên cứu khoa học:..... Chức vụ:..... Điện thoại: Cơ quan:..... Nhà riêng:..... Mobile:..... Fax:..... E-mail:..... Địa chỉ nhà riêng:.....				
10 Tổ chức, doanh nghiệp trong nước, nước ngoài phối hợp thực hiện (nếu có)				
Tên tổ chức:..... Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:..... Địa chỉ:.....				
11 Cá nhân tham gia thực hiện (Lý lịch khoa học của các thành viên gửi kèm theo Thuyết minh).				
TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Cơ quan công tác	Nội dung tham gia	Thời gian tham gia thực hiện
1				
2				
...				
12 Thông tin công nghệ của nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài				
Mô tả, làm rõ một số thông tin cơ bản về công nghệ cần tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao, cụ thể như sau: a) Làm rõ tính mới, tính cạnh tranh cao, khả năng tác động đột phá về sản phẩm và thị trường, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ quốc phòng, an ninh của công nghệ cần tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao. b) Hiện trạng nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cần tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao ở Việt Nam.				

c) Xuất xứ công nghệ cần tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao ở nước ngoài; đối tượng nắm giữ công nghệ.

d) Một số đặc điểm nổi bật của công nghệ cần tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao (yêu cầu về kỹ thuật, quy trình công nghệ, các điểm mới, sáng tạo và ưu điểm chính của công nghệ thông qua các thông số đánh giá cụ thể (chu trình hoạt động, tính sử dụng đơn giản...); so sánh với các công nghệ hiện có).

đ) Giai đoạn phát triển của công nghệ cần tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao (công nghệ đang được triển khai ở giai đoạn nào? Ví dụ: giai đoạn nghiên cứu, thử nghiệm; phân tích thực hành kỹ thuật; trình diễn; thương mại hóa...).

g) Điều kiện, định hướng và xác định khả năng chuyển giao công nghệ và các thông tin công nghệ khác có liên quan.

e) Phạm vi ứng dụng, sử dụng công nghệ cần tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao trong nhiệm vụ.

PHẦN II. THUYẾT MINH HỢP PHẦN NHIỆM VỤ**A. HỢP PHẦN ĐỀ TÀI TÌM KIẾM CÔNG NGHỆ****A1 Mục tiêu của đề tài:**

(Phát triển và cụ thể hóa định hướng mục tiêu theo đặt hàng)

A2 Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài**a) Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của công nghệ cần tìm kiếm**

(Mô tả, phân tích, đánh giá đầy đủ, rõ ràng mức độ thành công, hạn chế của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực công nghệ cần tìm kiếm của đề tài)

b) Luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

(Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, xuất xứ, giai đoạn phát triển, phạm vi ứng dụng, khả năng tác động đột phá về sản phẩm và thị trường thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của công nghệ cần tìm kiếm để tiếp nhận chuyển giao, sự sẵn sàng tiếp nhận công nghệ chuyển giao của tổ chức phối hợp tham gia đề tài, luận giải sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài, nêu rõ cơ sở cho việc cụ thể hóa mục tiêu và những định hướng nội dung chính cần thực hiện trong đề tài)

A3 Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu trong nước và ngoài nước có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan

(Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn)

A4 Nội dung nghiên cứu của đề tài

(Xác định các nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logic, phù hợp cần thực hiện để đạt mục tiêu đề ra)

Nội dung 1

Nội dung 2

Nội dung 3

A5 Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của đề tài

(Giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài)

- Thu thập, cập nhật thông tin về công nghệ thông qua kết nối chuyên gia công nghệ trong nước với chuyên gia tìm kiếm công nghệ và mạng lưới cơ quan đại diện khoa học và công nghệ của Việt Nam ở nước ngoài
- Sưu tầm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (các tài liệu chính)
- Hội thảo/tọa đàm khoa học (số lượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu)
- Đào tạo, tập huấn phục vụ đề tài
- Thuê chuyên gia tư vấn công nghệ, phân tích sáng chế,...
- Khảo sát, tham dự triển lãm, hội chợ công nghệ nước ngoài (quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung)
-

A6 Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật dự kiến sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính ưu việt của phương pháp sử dụng)

a) Cách tiếp cận:

b) Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

A7 Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu trong nước

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài (kể cả tổ chức sử dụng kết quả nghiên cứu) và nội dung công việc tham gia trong đề tài; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính - nếu có)

A8 Phương án hợp tác quốc tế (nếu có)

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác - đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)

A9 Kế hoạch thực hiện					
<i>Thời gian thực hiện đề tài tìm kiếm công nghệ tối đa không quá 12 tháng</i>					
	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện*	Dự kiến kinh phí
1	Nội dung 1				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
2	Nội dung 2				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
A10 Sản phẩm chính của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt					
<i>Báo cáo khoa học của đề tài (báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo kiến nghị); báo cáo hồ sơ công nghệ cần tìm kiếm; văn bản hoặc hợp đồng mang tính nguyên tắc với đối tác có công nghệ cần tìm kiếm; dự thảo thuyết minh dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ</i>					
TT	Tên sản phẩm (ghi rõ tên từng sản phẩm)	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú		
A11 Lợi ích của đề tài và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu					
a) Lợi ích của đề tài:					
- Tác động đến xã hội và tác động đối với ngành, lĩnh vực khoa học (đóng góp mới, mở ra ngành nghề mới, sản phẩm mới thông qua công nghệ sẽ được tiếp nhận và chuyển giao)					
- Góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu phân tích công nghệ tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề tài)					

b) Phương thức chuyển giao, sử dụng kết quả của đề tài (Luận giải nhu cầu của cơ quan/tổ chức ứng dụng; tính khả thi của phương thức chuyển giao, sử dụng kết quả nghiên cứu đề tài)							
A12 Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi (đơn vị tính: triệu đồng) (Dự toán kinh phí đề tài tìm kiếm công nghệ được quy định chi tiết tại Phụ lục)							
	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				
			Trả công lao động (khoa học, phổ thông)	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	Chi khác
	Tổng kinh phí <i>Trong đó:</i>						
1	Ngân sách SNKH: - Năm thứ nhất*: - Năm thứ hai*:						
2	Nguồn khác (vốn huy động...)						

Ngày..... tháng..... năm 20...

Chủ nhiệm đề tài

(Họ tên và chữ ký)

Ngày..... tháng..... năm 20...

Tổ chức chủ trì

(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

Ngày..... tháng..... năm 20...

Bộ Khoa học và Công nghệ

(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

Ngày..... tháng..... năm 20...

Thủ trưởng**Cơ quan chủ quản đề tài**

(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

hoặc

Chủ nhiệm Chương trình

(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

PHỤ LỤC DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI TÌM KIẾM CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Thuyết minh đề tài tìm kiếm công nghệ)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn				Khác		
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Ngân sách SNKH						
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ nhất	Trong đó, khoản chi theo quy định*		Năm thứ hai	Trong đó, khoản chi theo quy định*
1	2	3	4	5=(7+9)	6=(8+10)	7	8	9	10	11
1	Trả công lao động (khoa học, phổ thông) gồm: Nội dung 1 Nội dung 2 Nội dung 3...									
2	Nguyên, vật liệu, năng lượng									
3	Thiết bị, máy móc									
4	Chi khác Trong đó: - Công tác trong nước (địa điểm, thời gian) - Hợp tác quốc tế (nước, số người)									
	Tổng cộng:									

* Chi dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI
Khoản 1. Công lao động (khoa học, phổ thông)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung lao động	Tổng số		Nguồn vốn					Khác	
		Mục chi	Ngân sách SNKH	Ngân sách SNKH						
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ nhất	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ hai		Trong đó, khoản chi theo quy định*
1	2	3	4	5=(7+9)	6=(8+10)	7	8	9	10	11
1	Nội dung 1									
	- Sản phẩm 1									
	- Sản phẩm 2									
2	Nội dung 2									
	- Sản phẩm 1									
	- Sản phẩm 2									
	Tổng cộng:									

* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)

Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn						
						Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ nhất	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ hai	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Nguyên, vật liệu (Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại thuyết minh)											
2	Năng lượng, nhiên liệu											
3	Mua sách, tài liệu, số liệu											
Cộng:												

* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)

Khoản 3. Thiết bị, máy móc

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Mục chi	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn			
							Ngân sách SNKH			Khác
							Tổng	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai *	
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10
1	Thiết bị hiện có tham gia thực hiện đề tài (chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí của Khoản 3)									
2	Thiết bị mua mới									
3	Thuê thiết bị (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)									
Cộng:										

* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)

TT	Nội dung	Tổng số		Nguồn vốn						
		Mục chi	Tổng	Ngân sách SNKH				Khác		
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ nhất	Trong đó, khoản chi theo quy định*		Năm thứ hai	Trong đó, khoản chi theo quy định*
5	Chi khác - Hội thảo - Ăn lót tài liệu, văn phòng phẩm - Dịch tài liệu - Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ - Khác									
6	Phụ cấp chủ nhiệm đề tài									
7 Cộng:									

* Chi dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)

B. HỢP PHẦN DỰ ÁN HỖ TRỢ CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ**B1 Xuất xứ**

Ghi rõ xuất xứ của dự án từ một trong các nguồn sau:

a) Từ kết quả của đề tài tìm kiếm công nghệ (báo cáo hồ sơ công nghệ và các tài liệu có liên quan) đã được Hội đồng khoa học và công nghệ cấp nhà nước đánh giá, nghiệm thu; kèm theo Biên bản đánh giá nghiệm thu; Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền.

b) Từ báo cáo hồ sơ công nghệ được Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định và phê duyệt. Báo cáo hồ sơ công nghệ được xây dựng từ kết quả khoa học công nghệ của nước ngoài (hợp đồng chuyển giao công nghệ; tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp nếu có; nguồn gốc, xuất xứ và các hồ sơ khác có liên quan).

B2 Luận cứ về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả (dựa trên cơ sở báo cáo hồ sơ công nghệ được thẩm định và phê duyệt)

a) Làm rõ về công nghệ lựa chọn (Tính mới, ưu việt, tiên tiến của công nghệ; trình độ công nghệ so với công nghệ hiện có ở Việt Nam, khả năng triển khai công nghệ trong nước, tính phù hợp của công nghệ đối với phương án sản xuất và yêu cầu của thị trường...).

b) Lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của sản phẩm (Hiệu quả kinh tế mang lại khi áp dụng kết quả của dự án; khả năng mở rộng thị trường ở trong nước và xuất khẩu: nêu rõ các yếu tố chủ yếu làm tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá thành của sản phẩm dự án so với các sản phẩm cùng loại, chẳng hạn: sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, giá nhân công rẻ, phí vận chuyển thấp, tính ưu việt của công nghệ...).

c) Tác động của kết quả dự án đến kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng (Tác động của sản phẩm dự án đến phát triển kinh tế - xã hội, môi trường, khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới, ảnh hưởng đến sức khỏe con người, đảm bảo an ninh, quốc phòng...).

d) Năng lực thực hiện dự án (Mức độ cam kết và năng lực thực hiện của các tổ chức tham gia chính trong dự án: năng lực khoa học, công nghệ của người thực hiện và cơ sở vật chất - kỹ thuật, các cam kết bằng hợp đồng về mức đóng góp vốn, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động, bao tiêu sản phẩm, phân chia lợi ích về khai thác quyền sở hữu trí tuệ, chia sẻ rủi ro).

đ) Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của dự án (Nêu rõ phương án về tổ chức sản xuất; nhân rộng, chuyển giao công nghệ; thành lập doanh nghiệp mới để sản xuất - kinh doanh...).

B3 Mục tiêu

a) Mục tiêu của dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ (tiếp nhận và làm chủ công nghệ trên cơ sở quy mô sản xuất thử nghiệm)

b) Mục tiêu của sản xuất sau khi được chuyển giao công nghệ (Chất lượng sản phẩm; quy mô sản xuất công nghiệp - nếu có)

B4 Nội dung

Dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ được thực hiện với một số nội dung chủ yếu sau:

a) Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ (là xuất xứ của dự án) để triển khai trong dự án

b) Phân tích những vấn đề mà dự án cần giải quyết để tiếp nhận, hoàn thiện và làm chủ công nghệ (Hiện trạng của công nghệ và việc hoàn thiện, thử nghiệm; nắm vững, làm chủ quy trình công nghệ và các thông số kỹ thuật; ổn định chất lượng sản phẩm, chủng loại sản phẩm; nâng cao khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm để khẳng định công nghệ và quy mô của dự án sản xuất trong điều kiện thực tế của Việt Nam)

c) Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện dự án

B5 Phương án triển khai

a) Phương án tổ chức sản xuất ở quy mô thử nghiệm, quy mô công nghiệp (nếu có)
- Phương thức tổ chức thực hiện:

(Đơn vị chủ trì cần làm rõ năng lực triển khai tiếp nhận và hoàn thiện làm chủ công nghệ theo mục tiêu trong dự án; phương án liên doanh, phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ, với đối tác sở hữu công nghệ chuyển giao trong việc hoàn thiện, phát triển công nghệ trong điều kiện thực tế tại Việt Nam; đặc biệt là sự sẵn sàng và phương án kế hoạch chuyển giao công nghệ của đối tác nước ngoài cho tổ chức chủ trì dự án).

- Mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai dự án:

+ Địa điểm thực hiện dự án (nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, điện nước.... của địa bàn triển khai dự án); nhà xưởng, mặt bằng hiện có (m²), dự kiến cải tạo, mở rộng...;

+ Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai dự án (làm rõ những trang thiết bị đã có, bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị cần thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; khả năng cung ứng trang thiết bị của thị trường cho dự án;.....);

+ Nguyên vật liệu (khả năng cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu thông qua quá trình sản xuất thử nghiệm để tiếp nhận và làm chủ công nghệ được chuyển giao, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài;.....);

+ Nhân lực cần cho triển khai dự án: số cán bộ khoa học công nghệ và công nhân lành nghề tham gia thực hiện dự án; kế hoạch tổ chức nhân lực tham gia dự án; nhu cầu đào tạo phục vụ dự án (số lượng cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân);

+ Môi trường (đánh giá tác động môi trường do việc triển khai dự án và giải pháp khắc phục).

b) Phương án tài chính (Phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện dự án) trên cơ sở:

+ *Tổng vốn đầu tư để triển khai dự án, trong đó nêu rõ vốn cố định, vốn lưu động cho một khối lượng sản phẩm, vật mẫu cần thiết nhằm tiếp nhận, hoàn thiện và làm chủ công nghệ để sản xuất ổn định tiếp theo;*

+ *Phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tham gia dự án (kèm theo các văn bản pháp lý minh chứng cho việc huy động các nguồn vốn: báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 2 - 3 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của ngân hàng; cam kết pháp lý về việc đóng góp vốn của các tổ chức tham gia dự án,...);*

+ *Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước (các nội dung chi bằng nguồn vốn này).*

+ *Tính toán, phân tích giá thành sản phẩm của dự án (theo từng loại sản phẩm của dự án nếu có); thời gian thu hồi vốn.*

c) Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của dự án

+ *Dự báo nhu cầu thị trường (dự báo nhu cầu chung và thống kê danh mục các đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua sản phẩm dự án);*

+ *Phương án tiếp thị sản phẩm của dự án (tuyên truyền, quảng cáo, xây dựng trang web, tham gia hội chợ triển lãm, trình diễn công nghệ, tờ rơi...);*

+ *Phân tích giá thành, giá bán dự kiến của sản phẩm trong thời gian sản xuất thử nghiệm; giá bán khi ổn định sản xuất (so sánh với giá sản phẩm nhập khẩu, giá thị trường trong nước hiện tại; dự báo xu thế giá sản phẩm cho những năm tới); các phương thức hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm dự án;*

+ *Phương án tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm khi phát triển sản xuất quy mô công nghiệp.*

B6 Sản phẩm của Dự án

(Phân tích, làm rõ các thông số và so sánh với các sản phẩm cùng loại trong nước, trong khu vực, và của thế giới: (i) Dây chuyền công nghệ, các thiết bị, quy trình công nghệ đã được ổn định (quy mô, các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật); (ii) Sản phẩm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; (iii) ản phẩm; (iv) Đào tạo cán bộ; (v) Sản phẩm sản xuất thử nghiệm (chủng loại, khối lượng, tiêu chuẩn chất lượng)).

B7 Phương án phát triển của dự án sau khi được hỗ trợ chuyển giao (sau khi tiếp nhận và làm chủ công nghệ)*a) Phương thức triển khai*

(Mô tả rõ phương án triển khai lựa chọn trong các loại hình sau đây: (i) Đưa vào sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp; (ii) Nhân rộng, chuyển giao kết quả của dự án; (iii) Liên doanh, liên kết; (iv) Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất - kinh doanh; (v) Hình thức khác: Nêu rõ).

*b) Quy mô sản xuất (Công nghệ, nhân lực, sản phẩm,...)**c) Tổng số vốn của dự án sản xuất.***B8 Phân tích tài chính của dự án**

Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ (tiếp nhận và làm chủ công nghệ thông qua việc triển khai công nghệ ở quy mô sản xuất thử nghiệm) = Vốn cố định đầu tư mới (không tính giá trị còn lại của thiết bị, nhà xưởng đã có) + Kinh phí mua công nghệ (kinh phí phải trả cho chủ sở hữu công nghệ - nếu có) + vốn lưu động (chỉ tính chi phí để sản xuất khối lượng sản phẩm, vật mẫu cần thiết để tiếp nhận, hoàn thiện và làm chủ công nghệ).

** Vốn cố định của Dự án sản xuất gồm: (i) Thiết bị, máy móc đã có (giá trị còn lại); (ii) Thiết bị, máy móc mua mới; (iii) Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại); (iv) Nhà xưởng xây mới hoặc cải tạo; Kinh phí mua công nghệ (kinh phí phải trả cho chủ sở hữu công nghệ - nếu có).*

** Vốn lưu động: chỉ tính chi phí để sản xuất khối lượng sản phẩm cho một chu kỳ sản xuất để tiêu thụ và tái quay vòng sản xuất chu kỳ tiếp theo.*

Bảng 1. Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai dự án
(Dự toán kinh phí dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ được quy định chi tiết tại Phụ lục)

Đơn vị: triệu đồng

	Nguồn vốn	Tổng cộng	Trong đó							
			Vốn cố định			Vốn lưu động				
			Thiết bị, máy móc mua mới	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo	Chi phí công nghệ	Chi phí lao động	Nguyên vật liệu, năng lượng	Thuê thiết bị, nhà xưởng	Khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
	Ngân sách SNKH:									
1	- Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: -									
	Các nguồn vốn khác									
2	2.1. Vốn tự có của đơn vị: - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - ... 2.2. Khác (vốn huy động, ...) - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: -									
	Cộng									

Bảng 2. Tổng chi phí và giá thành sản phẩm thử nghiệm
(Trong thời gian thực hiện dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ)

	Nội dung	Tổng số chi phí (1.000 đ)	Trong đó theo sản phẩm			Ghi chú
			4	5	6	
1	2	3	4	5	6	7
A	Chi phí trực tiếp					
1	Nguyên vật liệu, bao bì					Khoản 5

2	Điện, nước, xăng dầu					Khoản 6
3	Chi phí lao động					Khoản 4
4	Sửa chữa, bảo trì thiết bị					Khoản 7
5	Chi phí quản lý					Khoản 7
B	Chi phí gián tiếp và khấu hao tài sản cố định					
6	Khấu hao thiết bị cho dự án - Khấu hao thiết bị cũ - Khấu hao thiết bị mới					Khoản 1
7	Khấu hao nhà xưởng cho dự án - Khấu hao nhà xưởng cũ - Khấu hao nhà xưởng mới					Khoản 2
8	Thuê thiết bị					Khoản 1
9	Thuê nhà xưởng					Khoản 2
10	Chi phí công nghệ					Khoản 3
11	Tiếp thị, quảng cáo					Khoản 7
12	Khác (trả lãi vay, các loại phí,...)					
	- Tổng chi phí sản xuất thử nghiệm (A + B):					
	- Giá thành 1 đơn vị sản phẩm:					

Ghi chú:

- *Khấu hao thiết bị và tài sản cố định:* tính theo quy định của Nhà nước đối với từng loại thiết bị của từng ngành kinh tế tương ứng.

- *Chi phí công nghệ:* phân bổ vào giá thành sản phẩm theo vòng đời công nghệ (dự kiến).

Bảng 3. Tổng doanh thu

(Trong thời gian thực hiện dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (1.000 đ)	Thành tiền (1.000 đ)
1	2	3	4	5	6
Cộng:					

Bảng 4. Tổng doanh thu
(Cho 1 năm sau khi đã làm chủ công nghệ sản xuất ổn định)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (1.000 đ)	Thành tiền (1.000 đ)
1	2	3	4	5	6
Cộng:					

Bảng 5. Tính toán sơ bộ hiệu quả kinh tế dự án
(làm chủ công nghệ sản xuất ổn định)

TT	Nội dung	Thành tiền (1.000 đ)
1	2	3
1	Tổng vốn đầu tư cho Dự án	
2	Tổng chi phí, trong một năm	
3	Tổng doanh thu, trong một năm	
4	Lãi gộp (3) - (2)	
5	Lãi ròng : (4) - (thuế + lãi vay + các loại phí)	
6	Khấu hao thiết bị, XD/CB và chi phí công nghệ trong 1 năm	
7	Thời gian thu hồi vốn T (năm, ước tính)	
8	Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư, % (ước tính)	
9	Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu, % (ước tính)	

Chú thích:

- *Tổng vốn đầu tư bao gồm: tổng giá trị còn lại của thiết bị, máy móc và nhà xưởng đã có + tổng giá trị của thiết bị, máy móc mua mới và nhà xưởng bổ sung mới (kể cả cải tạo) + chi phí công nghệ;*
- *Thuế: gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác nếu có, trong 1 năm;*
- *Lãi vay: là các khoản lãi vay phải trả trong 1 năm.*

$$\text{Thời gian thu hồi vốn } T = \frac{\text{Tổng vốn Đầu tư}}{\text{Lãi ròng} + \text{Khấu hao}} = \text{..... năm}$$

$$\text{Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư} = \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng vốn Đầu tư}} \times 100 = \text{---} \times 100 = \text{.....\%};$$

$$\text{Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu} = \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng doanh thu}} \times 100 = \text{---} \times 100 = \text{.....\%};$$

B9 Hiệu quả kinh tế - xã hội

(Tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, giảm nhập khẩu, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường....)

Ngày..... tháng..... năm 20...

Chủ nhiệm dự án
(Họ tên và chữ ký)

Ngày..... tháng..... năm 20...

Tổ chức chủ trì
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

Ngày..... tháng..... năm 20...

Bộ Khoa học và Công nghệ
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

Ngày..... tháng..... năm 20...

Thủ trưởng
Cơ quan chủ quản dự án
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

hoặc

Chủ nhiệm Chương trình
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

PHỤ LỤC DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN HỖ TRỢ CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Thuyết minh dự án hỗ trợ chuyên giao công nghệ)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn									
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Ngân sách SNKH							Tự có	Khác	
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ nhất	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ hai	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ ba			Trong đó, khoản chi theo quy định *
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14		
1	Thiết bị, máy móc mua mới												
2	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo												
3	Chi phí công nghệ (mua, hoàn thiện, làm chủ công nghệ)												
4	Chi phí lao động												
5	Nguyên vật liệu, năng lượng (điện, nước, xăng dầu)												
6	Thuế thiết bị, nhà xưởng												
7	Chi khác												
	Tổng cộng												

* Chi dự toán khi dự án được phê duyệt

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1: Yêu cầu về thiết bị, máy móc

Đơn vị: triệu đồng

1. Thiết bị hiện có (tính giá trị còn lại)

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	2	3	4	5	6
I	Thiết bị công nghệ				
1					
2					
3					
4					
II	Thiết bị thử nghiệm, đo lường				
1					
2					
3					
4					
Cộng:					

2. Thiết bị mới bổ sung, thuê thiết bị

TT	Mục chi*	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn						
							Ngân sách SNKH				Tự có	Khác	
							Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
1		Mua thiết bị công nghệ											
2		Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường											
3		Mua phần mềm máy tính											
4		Vận chuyển lắp đặt											
5		Thuê thiết bị (nêu các thiết bị cần thuê, giá thuê và chỉ ghi vào cột 7 để tính vốn lưu động)											
					Cộng:								

Chú ý: Ngân sách Nhà nước chỉ hỗ trợ mua nguyên chiếc thiết bị, máy móc

* Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt

Khoản 2: Đầu tư cơ sở hạ tầng

Đơn vị: triệu đồng

1. Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại)

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1					
2					
Cộng A:					

2. Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo

TT	Mục chi*	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn					Tự có	Khác
				Ngân sách SNKH			Năm thứ ba*	Khác		
				Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1		Xây dựng nhà xưởng mới								
2		Chi phí sửa chữa cải tạo								
3		Chi phí lắp đặt hệ thống điện								
4		Chi phí lắp đặt hệ thống nước								
5		Chi phí khác								
Cộng B:										

* Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt

Khoản 3: Chi phí công nghệ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi*	Nội dung	Chi phí	Nguồn vốn					Tự có	Khác
				Ngân sách SNKH			Năm thứ ba*	Tự có		
				Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
A		Chi phí công nghệ (mua, hoàn thiện, làm chủ các hạng mục công nghệ)								
1		- Chi phí mua công nghệ, mua bản quyền sáng chế								
2		- Hoàn thiện, nắm vững và làm chủ quy trình công nghệ								
3		- Hoàn thiện các thông số về kỹ thuật								
4		- Ôn định thông số và chất lượng nguyên vật liệu đầu vào								
5		- Ôn định chất lượng sản phẩm; kiểm định chất lượng, xây dựng tiêu chuẩn sản phẩm								
6									
B		Chi phí đào tạo công nghệ								
1		- Cán bộ công nghệ								
2		- Công nhân vận hành								
		Cộng								

* Chi dự toán khi dự án được phê duyệt

Khoản 4: Chi phí lao động
(Để sản xuất khối lượng sản phẩm, vật mẫu cần thiết để tiếp thu, hoàn thiện, làm chủ công nghệ)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi*	Nội dung	Số người	Số tháng	Chi phí tr. đ/ người/ tháng	Thành tiền	Nguồn vốn						
							Ngân sách SNKH					Tự có	Khác
							Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
1		Chủ nhiệm Dự án											
2		Kỹ sư											
3		Nhân viên kỹ thuật											
4		Công nhân											
		Cộng											

* Chi dự toán khi dự án được phê duyệt

Khoản 5: Nhu cầu nguyên vật liệu
(Để sản xuất khối lượng sản phẩm, vật mẫu cần thiết để tiếp thu, hoàn thiện, làm chủ công nghệ)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi*	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn							Tự có	Khác			
							Ngân sách SNKH									Trong đó, khoán chi*	Trong đó, khoán chi*	Trong đó, khoán chi*
							Tổng số	Trong đó, khoán chi*	Năm thứ nhất	Trong đó, khoán chi*	Năm thứ hai	Trong đó, khoán chi*	Năm thứ ba					
8	9	10	11	12	13	14	15	16	17									
1	2	3	4	5	6	7												
1		Nguyên, vật liệu chủ yếu																
2		Nguyên, vật liệu phụ																
3		Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng																
Cộng:																		

* Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)

Nguồn vốn																
Ngân sách SNKH																
TT	Mục chỉ*	Nội dung	Đơn vị đo lượng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Trong đó, khoản chi theo quy định *									
							Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ bốn	Năm thứ năm	Năm thứ sáu	Năm thứ bảy	Năm thứ tám	Năm thứ chín
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
		- Cho phương tiện vận tải tấn														
Cộng:																

* Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)

TT	Mục chỉ*	Nội dung	Thành tiền	Nguồn vốn								Tự có	Khác	
				Ngân sách SNKH										
				Tổng số	Trong đó, khoán chi theo quy định *	Năm thứ nhất	Trong đó, khoán chi theo quy định *	Năm thứ hai	Trong đó, khoán chi theo quy định *	Năm thứ ba	Trong đó, khoán chi theo quy định *			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
5		Chi khác: - Hội thảo, hội nghị, - Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, - Thông tin tuyên truyền, tiếp thị, quảng cáo, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, - Báo cáo tổng kết, - In ấn, - Phụ cấp chủ nhiệm dự án,...												
		Cộng												

* Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)

Về khả năng chấp nhận của thị trường

1. Nhu cầu thị trường

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng có thể tiêu thụ trong năm:			Chú thích
			20..	20..	20..	
1	2	3	4	5	6	7

2. Phương án sản phẩm

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng sản xuất trong năm:			Cơ sở tiêu thụ
			20..	20..	20..	
1	2	3	4	5	6	7
						8

3. Danh mục chỉ tiêu chất lượng sản phẩm

TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Ghi chú
			Cần đạt	Tương tự mẫu		
				Trong nước	Thế giới	
1	2	3	4	5	6	7

Biểu C-QL

08/2015/TT-BKHCN

THUYẾT MINH
NHIỆM VỤ PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH

I. THÔNG TIN CHUNG				
1	Tên nhiệm vụ			
2	Thuộc Chương trình			
<i>(Nêu tên Chương trình và mã số)</i>				
3	Thời gian thực hiện			
..... tháng				
Từ.../... đến.../...				
4	Tổ chức chủ trì nhiệm vụ			
Tên tổ chức chủ trì:.....				
Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....				
Địa chỉ:.....				
Họ và tên thủ trưởng tổ chức chủ trì:.....				
Mã số ngân sách:.....				
5	Chủ nhiệm nhiệm vụ			
Họ và tên:.....				
Ngày, tháng, năm sinh:..... Nam/Nữ:.....				
Học hàm, học vị, chuyên môn:.....				
Chức danh nghiên cứu khoa học:..... Chức vụ:.....				
Điện thoại: Cơ quan:..... Nhà riêng:..... Mobile:.....				
Fax:..... E-mail:.....				
Địa chỉ nhà riêng:.....				
6	Tổ chức, cơ quan phối hợp thực hiện nhiệm vụ (nếu có)			
Tên tổ chức:.....				
Điện thoại:..... Fax:.....				
E-mail:.....				
Địa chỉ:.....				
7	Cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ (Lý lịch khoa học của các thành viên gửi kèm theo Thuyết minh)			
TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Cơ quan công tác	Nội dung tham gia	Thời gian tham gia thực hiện
1				
2				
3				
...				

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	
8	Mục tiêu
9	Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về nội dung nghiên cứu
9.1	Tổng quan tình hình nghiên cứu, sự cần thiết thực hiện các nội dung nghiên cứu
	<p>a) Phân tích, đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước, trong đó nêu một số kết quả cụ thể đạt được; làm rõ một số khó khăn trong nước đối với việc triển khai nội dung nghiên cứu (phương pháp nghiên cứu; trang thiết bị; nguồn nhân lực...).</p> <p>b) Phân tích, đánh giá thực trạng, xu hướng quốc tế trong việc nghiên cứu đối với lĩnh vực của nhiệm vụ.</p> <p>c) Luận giải sự cần thiết thực hiện các nội dung nghiên cứu (nêu rõ những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế cụ thể, từ đó nêu được hướng giải quyết mới và cụ thể hóa mục tiêu đặt ra của nhiệm vụ nhằm triển khai mục tiêu, nội dung giải pháp thực hiện Chương trình)</p>
9.2	Luận giải về nội dung nghiên cứu
	<p>a) Luận giải nội dung của nhiệm vụ bảo đảm giải quyết được ít nhất một trong các vấn đề chủ yếu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Vấn đề 1</u>: Hình thành tổ chức, nhóm nghiên cứu có tiềm năng để thực hiện nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương thuộc các hướng ưu tiên của Chương trình thông qua việc tham gia các dự án và chương trình hợp tác quốc tế; - <u>Vấn đề 2</u>: Xây dựng mạng lưới chuyên gia tìm kiếm công nghệ; - <u>Vấn đề 3</u>: Tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam về các vấn đề khoa học và công nghệ trọng tâm, trọng điểm, có tính thời sự, cấp bách, có tính liên ngành, liên khu vực; - <u>Vấn đề 4</u>: Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, tìm hiểu công nghệ, hợp tác nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài;

	<p>- <i>Vấn đề 5: Xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với hoạt động hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ</i></p> <p><i>b) Nêu rõ kết quả (dự kiến) thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p><i>c) Giải trình, làm rõ năng lực của tổ chức chủ trì nhiệm vụ</i></p> <p><i>d) Phân tích phương án phối hợp với đối tác trong nước và ngoài nước (nếu có) trong việc sử dụng và khai thác kết quả của nhiệm vụ; làm rõ trách nhiệm và quyền lợi của các bên tham gia</i></p>			
9.3	Tiến độ thực hiện			
TT	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Cá nhân, cơ quan thực hiện
I	Nội dung 1:			
1				
2				
II	Nội dung 2:			
1				
2				
III. KẾT QUẢ DỰ KIẾN				
10	Sản phẩm KH&CN chính và yêu cầu chất lượng cần đạt			
	<p><i>a) Kết quả của nhiệm vụ là báo cáo khoa học; kết quả dự báo; dự thảo đề án; đề xuất về cơ chế, chính sách; mô hình, quy trình; phương pháp nghiên cứu mới; cơ sở dữ liệu; phát triển các tổ chức, nhóm nghiên cứu tiềm năng và các sản phẩm khác;</i></p> <p><i>b) Một số sản phẩm khác của nhiệm vụ (nếu có):</i> <i>+ Dạng 1: Nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); đề án, quy hoạch; luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi; và các sản phẩm khác.</i> <i>+ Dạng 2: Đào tạo/trao đổi cán bộ, chuyên gia.</i></p>			

Dạng 1: Nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (<i>phương pháp, quy trình, mô hình,...</i>); đề án, quy hoạch; luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi; và các sản phẩm khác					
TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú		
I	ii	iii	iv		
Dạng 2: Đào tạo/trao đổi cán bộ, chuyên gia					
TT	Cán bộ, chuyên gia	Thời gian	Nội dung	Ghi chú	
I	ii	iii	iv	v	
11	Phương thức chuyển giao, sử dụng kết quả nghiên cứu				
IV. DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN (<i>phụ lục chi tiết kèm theo</i>)					
12	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ (triệu đồng) (<i>Phụ lục dự toán kinh phí nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý, triển khai Chương trình kèm theo</i>)				
TT	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó		
			Trả công lao động	Hợp tác quốc tế	Chi khác
I	ii	iii	iv	v	vi
1	Ngân sách SNKH				
2	Nguồn tự có				
3	Nguồn vốn khác				
Tổng cộng					

Ngày...tháng... năm 20...

Chủ nhiệm đề án

(*Họ tên và chữ ký*)

Ngày... tháng... năm 20...

Tổ chức chủ trì

(*Họ tên, chữ ký và đóng dấu*)

Ngày... tháng... năm 20...

Bộ Khoa học và Công nghệ

(*Họ tên, chữ ký và đóng dấu*)

Ngày... tháng... năm 20...

Thủ trưởng

Cơ quan chủ quản đề án

(*Họ tên, chữ ký và đóng dấu*)

hoặc

Chủ nhiệm Chương trình

(*Họ tên, chữ ký và đóng dấu*)

PHỤ LỤC DỰ TOÁN KINH PHÍ NHIỆM VỤ PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH
(Kèm theo Thuyết minh nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý, triển khai Chương trình)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn			
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Ngân sách SNKH		Tự có	Khác
				Tổng	Kinh phí thực hiện		
1	Công lao động (khoa học, phổ thông)						
2	Hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào, hội nghị, hội thảo)						
3	Điều tra, điền dã, phỏng vấn xã hội học (nếu có)						
4	Chi khác						
Tổng cộng							

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1: Công lao động (khoa học, phổ thông)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung lao động	Tổng số		Nguồn vốn			
		Mục chi	Tổng	Ngân sách SNKH		Tự có	Khác
				Tổng	Khoán chi theo quy định		
1	Nội dung 1:						
2	Nội dung 2:						
3	Nội dung 3:						
Cộng							

Khoản 2: Hợp tác quốc tế

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Số lượng	Định mức	Thành tiền	Nguồn vốn		
					Ngân sách SNKH	Tự có	Khác
1	Đoàn ra						
-	Đoàn 1: (Nội dung) + (địa điểm) + (thời gian) + (số người)						
+	Chi tiết tiền vé máy bay, tiền ăn ở, đi lại, và chi phí liên quan khác						
-	Đoàn...: (Nội dung) + (địa điểm) + (thời gian) + (số người)						
+	Chi tiết tiền vé máy bay, tiền ăn ở, đi lại, và chi phí liên quan khác						
2	Đoàn vào						
-	Đoàn 1: (Nội dung) + (địa điểm) + (thời gian) + (số người)						
+	Chi tiết tiền vé máy bay, tiền ăn ở, đi lại, và chi phí liên quan khác						
-	Đoàn...: (Nội dung) + (địa điểm) + (thời gian) + (số người)						
+	Chi tiết tiền vé máy bay, tiền ăn ở, đi lại, và chi phí liên quan khác						
3	Hội nghị, hội thảo quốc tế						
-	Hội thảo 1: (Nội dung) + (địa điểm) + (thời gian) + (số người)						
+	Dự toán chi tiết chi phí liên quan đến tổ chức hội nghị, hội thảo						
-	Hội thảo...: (Nội dung) + (địa điểm) + (thời gian) + (số người)						
+	Dự toán chi tiết các chi phí có liên quan tổ chức hội nghị, hội thảo						
Cộng							

Khoản 3: Chi khác

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Số lượng	Định mức	Tổng kinh phí	Nguồn vốn			
					Ngân sách SNKH		Tự có	Khác
					Tổng	Khoán chi theo quy định		
1	Công tác phí trong nước							
-	Chuyên 1: (Nội dung, địa điểm, thời gian, số người)							
-	Chuyên 2: (Nội dung, địa điểm, thời gian, số người)							
2	Hội nghị, hội thảo, tập huấn ngắn hạn trong nước							
-	Hội thảo 1: (Nội dung, địa điểm, thời gian, số người)							
-	Hội thảo 2: (Nội dung, địa điểm, thời gian, số người)							
3	Kinh phí quản lý							
4	Chi phí đánh giá, kiểm tra, nghiệm thu cơ sở							
5	Phụ cấp chủ nhiệm							
6	Chi khác							
-	In ấn tài liệu, văn phòng phẩm							
-	Dịch tài liệu							
-	Khác							
Cộng								

Biểu NXĐTTKCN
08/2015/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN,
GIAO TRỰC TIẾP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

PHIẾU NHẬN XÉT
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC
VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ HỢP PHẦN ĐỀ TÀI TÌM KIẾM CÔNG NGHỆ

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên đề tài:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: <i>Tên tổ chức:</i> <i>Họ và tên cá nhân:</i>	

Tiêu chí đánh giá	Nhận xét của chuyên gia				
	4	3	2	1	0
1. Tổng quan tình hình nghiên cứu [Mục 12, A2 và A3]					
- Tính đầy đủ và cập nhật thông tin về công nghệ, tình hình nghiên cứu trong, ngoài nước.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tính khoa học và thực tiễn việc luận giải cụ thể hóa mục tiêu và nội dung nghiên cứu đáp ứng yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu tìm kiếm công nghệ.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:</i>					
2. Nội dung và hoạt động hỗ trợ nghiên cứu [Mục A4 và A5]					
- Tính hệ thống, logic, đầy đủ, rõ ràng của các nội dung nghiên cứu.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tính hợp lý, khả thi của các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:</i>	
3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu [Mục A6]	
- Cách tiếp cận đề tài với công nghệ tìm kiếm, nghiên cứu	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng phù hợp nội dung nghiên cứu, tìm kiếm	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:</i>	
4. Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện [Mục: A7, A8, A9, A12 và giải trình các khoản chi của dự toán]	
- Phương án phối hợp các tổ chức, cá nhân trong/ngoài nước và kế hoạch thực hiện	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Tính hợp lý trong việc dự toán kinh phí cho nội dung nghiên cứu, phù hợp với định mức các khoản chi theo quy định hiện hành	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:</i>	
5. Tính mới của công nghệ, lợi ích kết quả của đề tài và phương án sử dụng kết quả của doanh nghiệp tham gia tìm kiếm và cam kết ứng dụng [Mục: A10, A11]	
- Sản phẩm dự kiến đạt được của đề tài đáp ứng theo yêu cầu đặt hàng	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Tác động đến xã hội, ngành, lĩnh vực (đóng góp, tạo ngành nghề mới, sản phẩm mới thông qua công nghệ sẽ được chuyển giao; góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân tham gia	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Phương án sử dụng kết quả của doanh nghiệp tham gia tìm kiếm và cam kết ứng dụng	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:</i>	

6. Năng lực tổ chức và cá nhân [<i>Mục 11 và Hồ sơ năng lực của tổ chức và lý lịch của khoa học của cá nhân tham gia</i>]	
- Cơ quan chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ trì và của các thành viên tham gia nghiên cứu	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 6:</i>	
Ý kiến đánh giá tổng hợp	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>

Ghi chú: Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

1. Đề nghị thực hiện:
- 1.1. Khoản chi đến sản phẩm cuối cùng 1.2. Khoản từng phần
2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.
3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:

Ngày..... tháng..... năm 20...
(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

Biểu ĐGĐTTKCN
08/2015/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN,
GIAO TRỰC TIẾP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC
VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ HỢP PHẦN ĐỀ TÀI TÌM KIẾM CÔNG NGHỆ

1. Tên đề tài:
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: <i>Tên tổ chức:</i> <i>Họ và tên cá nhân:</i>

Tiêu chí đánh giá	<i>Chuyên gia đánh giá</i>					Hệ số	Điểm	Σ	Điểm tối đa
	4	3	2	1	0				
1. 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu <i>[Mục 12, A2 và A3]</i>									
- Tính đầy đủ, cập nhật thông tin về công nghệ; tình hình nghiên cứu trong, ngoài nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1			12
- Tính khoa học, thực tiễn việc luận giải các mục tiêu và nội dung nghiên cứu đáp ứng yêu cầu đặt hàng; làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu tìm kiếm công nghệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			
2. Nội dung và hoạt động hỗ trợ nghiên cứu <i>[Mục A4 và A5]</i>									
- Tính hệ thống, logic, đầy đủ, rõ ràng của các nội dung nghiên cứu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			12
- Tính hợp lý, khả thi của các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1			
3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu <i>[Mục A6]</i>									
- Cách tiếp cận đề tài với công nghệ tìm kiếm, nghiên cứu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1			12

- Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng phù hợp nội dung nghiên cứu	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			
4. Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện [Mục: A7, A8, A9, A12 và giải trình các khoản chi của dự toán]					
- Phương án phối hợp tổ chức, cá nhân trong/ngoài nước và kế hoạch thực hiện	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			20
- Tính hợp lý trong việc dự toán kinh phí thực hiện nội dung nghiên cứu; phù hợp với định mức các khoản chi theo quy định	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	3			
5. Tính mới của công nghệ, lợi ích kết quả của đề tài và phương án sử dụng kết quả của doanh nghiệp tham gia tìm kiếm và cam kết ứng dụng [Mục: A10, A11]					
- Sản phẩm dự kiến đạt được của đề tài đáp ứng theo yêu cầu đặt hàng	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			24
- Tác động đến xã hội, ngành, lĩnh vực (đóng góp, tạo ngành nghề mới, sản phẩm mới thông qua công nghệ sẽ được chuyển giao; góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân tham gia)	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			
- Phương án ứng dụng, sử dụng kết quả đề tài	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			
6. Năng lực tổ chức và cá nhân [Mục 11 và Hồ sơ năng lực của tổ chức và lý lịch của khoa học của cá nhân tham gia]					
- Cơ quan chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			20
- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ trì và của các thành viên tham gia nghiên cứu	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	3			
Ý kiến đánh giá tổng hợp	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>				100

Ghi chú: Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

1. Đề nghị thực hiện:

1.1. Khoản chi đến sản phẩm cuối cùng 1.2. Khoản từng phần

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)

Nhận xét, kiến nghị:

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày..... tháng..... năm 20...
(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

Biểu NXDACGCN
08/2015/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN GIAO TRỰC TIẾP
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

PHIẾU NHẬN XÉT
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
HỢP PHẦN DỰ ÁN HỖ TRỢ CHUYÊN GIA CÔNG NGHỆ

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên dự án:
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:
<i>Tên tổ chức:</i>
<i>Họ và tên cá nhân:</i>

Tiêu chí nhận xét	Nhận xét của chuyên gia				
	4	3	2	1	0
1. Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án [Mục 12, B1, B2]					
- Mức độ làm rõ được xuất xứ của công nghệ và chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Khả năng triển khai, hoàn thiện và làm chủ công nghệ; khả năng sản xuất, kinh doanh từ công nghệ sau khi hoàn thiện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:</i>					
2. Nội dung và phương án triển khai [Mục B4, B5]					
- Mức độ hợp lý của các vấn đề công nghệ mà dự án đề xuất cần giải quyết để đạt được mục tiêu, yêu cầu và phù hợp với các vấn đề công nghệ được đặt ra trong báo cáo hồ sơ công nghệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tính hợp lý các nội dung cần triển khai thực hiện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tính khả thi của phương án thực hiện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:</i>	
3. Tính mới và tính khả thi của công nghệ [<i>Mục B2 (điểm a), B6</i>]	
- Trình độ công nghệ của dự án so với công nghệ trong và ngoài nước	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Khả năng tạo ra sản phẩm mới từ công nghệ của dự án	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:</i>	
4. Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế - xã hội dự kiến của dự án [<i>Mục B2 (điểm b, c, đ), B5 (điểm c), B7 và Phụ lục dự toán kinh phí dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ (biểu về khả năng chấp nhận của thị trường)</i>]	
- Làm rõ các thông số của sản phẩm và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng, hiệu quả kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:</i>	
5. Phương án tài chính [<i>Mục B2 (điểm d), B5(điểm b), B8, Phụ lục dự toán kinh phí dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ (khoản 1 đến khoản 7) và các văn bản pháp lý nguồn lực có liên quan</i>]	
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Sự phù hợp của tổng dự toán và dự toán chi tiết	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:</i>	

6. Năng lực thực hiện [Mục B2 (điểm d), B5, B8]	
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
Ý kiến đánh giá tổng hợp	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>

Ghi chú: Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

1. Đề nghị thực hiện:
- 1.1. Khoản đến sản phẩm cuối cùng 1.2. Khoản từng phần
2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.
3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:

Ngày..... tháng..... năm 20...
(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

Biểu ĐGDACGCN
08/2015/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN GIAO TRỰC TIẾP
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
HỢP PHẦN DỰ ÁN HỖ TRỢ CHUYÊN GIA CÔNG NGHỆ

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

Tiêu chí đánh giá	Chuyên gia đánh giá					Hệ số	Điểm	Σ	Điểm tối đa
	4	3	2	1	0				
1. Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án [Mục 12, B1, B2]									
- Mức độ làm rõ được xuất xứ của công nghệ và chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1			8
- Khả năng triển khai, hoàn thiện và làm chủ công nghệ; khả năng sản xuất, kinh doanh từ công nghệ sau khi hoàn thiện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1			
2. Nội dung và phương án triển khai [Mục B4, B5]									
- Mức độ hợp lý của vấn đề công nghệ giải quyết để đạt được mục tiêu, yêu cầu; phù hợp với vấn đề công nghệ được đặt ra trong báo cáo hồ sơ công nghệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1			24
- Tính hợp lý các nội dung cần triển khai thực hiện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			
- Tính khả thi của phương án triển khai thực hiện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3			

3. Tính mới và tính khả thi của công nghệ [<i>Mục B2 (điểm a), B6</i>]					
- Trình độ công nghệ của dự án so với công nghệ trong và ngoài nước	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	1			12
- Khả năng tạo ra sản phẩm mới từ công nghệ của dự án	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			
4. Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế - xã hội dự kiến của dự án [<i>Mục B2 (điểm b,c,d), B5 (điểm c), B7 và Phụ lục dự toán kinh phí dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ (biểu về khả năng chấp nhận của thị trường)</i>]					16
- Làm rõ các thông số của sản phẩm và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	1			
- Khả năng cạnh tranh của công nghệ; sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	1			
- Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng, hiệu quả kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			
5. Phương án tài chính [<i>Mục B2 (điểm d), B5 (điểm b), B8, Phụ lục dự toán kinh phí dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ (khoản 1 đến khoản 7) và các văn bản pháp lý nguồn lực có liên quan</i>]					24
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	3			
- Sự phù hợp của tổng dự toán và dự toán chi tiết.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	3			
6. Năng lực thực hiện [<i>Mục B2 (điểm d), B5, B8</i>]					16
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			
- Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			
Ý kiến đánh giá tổng hợp	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>				100

Ghi chú: Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

1. Đề nghị thực hiện:
- 1.1. Khoản đến sản phẩm cuối cùng 1.2. Khoản từng phần
2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.
3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)

Nhận xét, kiến nghị:

Ngày..... tháng..... năm 20...
(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

Biểu PĐX-TKCG
08/2015/TT-BKHCN

BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 20....

ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG CÔNG NGHỆ CẦN TÌM KIẾM¹

1. Tên công nghệ.
 2. Xuất xứ của công nghệ cần tìm kiếm (*thông tin về nguồn sở hữu công nghệ đang tìm kiếm: quốc gia, chủ sở hữu công nghệ, đặc tính công nghệ...*).
 3. Lý do đề xuất (*tính cấp thiết, tầm quan trọng của công nghệ cần tìm kiếm phải thực hiện ở cấp quốc gia trong Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020; nhu cầu, khả năng ứng dụng của công nghệ cần tìm kiếm trong sản xuất và đời sống...*)².
 4. Mục tiêu, mục đích tiếp nhận và ứng dụng công nghệ cần tìm kiếm.
 5. Yêu cầu đối với các chỉ tiêu kỹ thuật của công nghệ cần tìm kiếm.
 6. Nhu cầu thị trường (*khả năng thị trường tiêu thụ, phương thức chuyển giao và thương mại hóa các sản phẩm của dự án*)..
 7. Năng lực của tổ chức, cơ quan được (dự kiến) chủ trì tiếp nhận và ứng dụng công nghệ cần tìm kiếm.
 8. Yêu cầu đối với thời gian thực hiện.
 9. Phương án huy động các nguồn lực (nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất và các nguồn lực khác) của tổ chức, cơ quan dự kiến chủ trì để thực hiện dự án.
- Bộ (ngành và địa phương)..... cam kết có phương án tổ chức thực hiện việc tiếp nhận và ứng dụng công nghệ được chuyển giao.

PHÊ DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO BỘ (NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG)
(*Họ, tên, chữ ký và đóng dấu*)

¹ Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.*

² Lưu ý: *nếu là đề xuất đặt hàng nhằm đáp ứng yêu cầu của Lãnh đạo Đảng, nhà nước cần trích dẫn đầy đủ; nếu đặt hàng từ nguồn đề xuất của các tổ chức cá nhân cần tóm tắt ngắn gọn.*